GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2000820

Ngày 16 tháng 11 năm 2020

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai Proposer:	Ngày đề nghị: 16/11/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 16/11/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐ supplements	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Type	Theo kế hoạch đã duyệt: ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ inccured out of plan

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	1201.02.0573	Dây thừng nilon / Nylon rope	Ø10	M	Phục vụ PXSC	200.00	0.00	200.00	0.00	200.00	
2	1201.02.0574	Dây thừng nilon / Nylon rope	Ø20	M	Phục vụ PXSC	200.00	0.00	200.00	0.00	200.00	
3	1201.02.0576	Dây thừng nilon / Nylon rope	Ø6	M	Phục vụ PXSC	200.00	0.00	200.00	0.00	200.00	
4	1201.02.0370	Bao tải dứa / Burlap bag	loại 50kg	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	0.00	200.00	0.00	200.00	
5	1201.02.1151	Đai siết cổ dê / Hose clamp	Ø14	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	50.00	0.00	50.00	0.00	50.00	
6	1401.02.0678	Đai siết cổ dê / Hose clamp	Inox Ø46-Ø70 TGCN-2303	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	50.00	0.00	50.00	0.00	50.00	
7	1401.02.0679	Đai siết cổ dê / Hose clamp	Inox Ø59-Ø82 TGCN-2303	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	30.00	0.00	30.00	0.00	30.00	
8	1201.02.1490	Bàn chải đánh rỉ có cán / Rust brush with handle	L=225mm	Cái/Pcs	Vệ sinh những vị trí nhỏ, nghách, con người không vào được	20.00	0.00	20.00	0.00	20.00	Có hình ảnh đi kèm
9	1401.02.0675	Bu lông / Bolt	8.8 M16x30 DIN933/558	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	100.00	100.00	0.00	200.00	
10	1401.02.0676	Vòng đệm phẳng / Flat washers	8.8 M16 DIN125-A	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	100.00	100.00	0.00	200.00	
11	1401.02.0689	Đai ốc / Nut	M16 DIN934, 8.8	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	100.00	100.00	0.00	200.00	

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
12	1401.02.0672	Bu lông / Bolts	8.8 M10x25 DIN933/558	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	100.00	100.00	0.00	200.00	
13	1401.02.0673	Đai ốc / Nut	8.8 M10 DIN934	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	100.00	100.00	0.00	200.00	
14	1401.02.0674	Vòng đệm phẳng / Flat washers	8.8 M10 DIN125-A	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	100.00	100.00	0.00	200.00	
15	1401.01.0865	Bu lông / Bolts	8.8 M20x120 DIN933/558	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	100.00	100.00	0.00	200.00	
16	1401.01.0866	Đai ốc / Nut	8.8 M20 DIN934	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	400.00	100.00	300.00	0.00	400.00	
17	1401.02.0677	Vòng đệm phẳng / Flat washers	8.8 M20 DIN125-A	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	400.00	100.00	300.00	0.00	400.00	
18	1401.01.0867	Bu lông / Bolts	8.8 M20x100 DIN933/558	Cái/Pcs	Phục vụ PXSC	200.00	0.00	200.00	0.00	200.00	
19	1201.02.0913	Vít lục giác bắn tôn / Hexagon head Self-drilling screw	Din 7504k, M3.5 ,L=30mm	Túi/Bag	Phục vụ PXSC	8.00	0.00	8.00	0.00	8.00	
20	1201.02.0914	Vít lục giác bắn tôn / Hexagon head Self-drilling screw	Din 7504k, M3.5 ,L=50mm	Túi/Bag	Phục vụ PXSC	8.00	0.00	8.00	2.00	8.00	
Cộng/ ToTal						**3 366.00**	**900.00**	**2 466.00**		**3 366.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2000822

Ngày 19 tháng 11 năm 2020

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department		Người đề nghị: Mai Quý Ngữ Proposer:	Ngày đề nghị: 19/11/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 30/12/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung supplements ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Type		Theo kế hoạch đã duyệt: Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / inccured out of plan ☐

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	0201.02.0014	Bu lông nở sắt	M14x100	Cái	Gia công chân mã lăp giá đỡ xe căng băng thủy lực C7.	100.00	24.00	76.00	0.00	100.00	
2	0601.01.0038	Con lăn / Roller	Ø76x245x6006-2x20, nhựa Nylon	Cái/Pcs	Thay con lăn đỡ cáp cầu trục hỏng	5.00	1.00	4.00	0.00	5.00	Có abnr vẽ đính kèm mua hàng
3	0601.01.0039	Con lăn / Roller	Ø76x245x6006-2x20, nhựa Nylon	Cái/Pcs	Dự phòng thay con lăn đỡ cáp cầu trục	5.00	0.00	5.00	0.00	5.00	Có bản vẽ đính kèm mua hàng
4	0601.01.0040	Con lăn / Roller	Ø89x500x6008-2xM12, nhựa Nylon	Cái/Pcs	Dự phòng thay con lăn đỡ cáp cầu trục	5.00	0.00	5.00	0.00	5.00	Có bản vẽ đính kèm mua hàng
5	0601.01.0041	Con lăn / Roller	Ø140x950x6008-2x20, nhựa Nylon	Cái/Pcs	Dự phòng thay con lăn đỡ cáp cầu trục	2.00	0.00	2.00	0.00	2.00	Có bản vẽ đính kèm mua hàng
6	0601.01.0042	Con lăn / Roller	Ø140x1190x6008-2x20, nhựa Nylon	Cái/Pcs	Dự phòng thay con lăn đỡ cáp cầu trục	2.00	0.00	2.00	0.00	2.00	Có bản vẽ đính kèm mua hàng
7	0601.01.0043	Con lăn / Roller	Ø140x880x6008-2x20, nhựa Nylon.	Cái/Pcs	Dự phòng thay con lăn đỡ cáp cầu trục	2.00	0.00	2.00	0.00	2.00	Có bản vẽ đính kèm mua hàng
8	0601.01.0044	Con lăn / Roller	Ø140x930x6008-2x20, nhựa Nylon	Cái/Pcs	Dự phòng thay con lăn đỡ cáp cầu trục	2.00	0.00	2.00	0.00	2.00	Có bản vẽ đính kèm mua hàng
9	0503.02.0005	Ống nhựa mềm lõi thép / Sorft plastic pipe with steel core	PVC, Ø25	M	Thay ống bơm vận chuyển hóa chất hỏng	20.00	10.00	10.00	0.00	20.00	Đề nghị mua sớm để thay vật tư
10	0501.02.0006	Lõi lọc / Water filter	FT5	Cái/Pcs	Thay lõi lọc thô máy lọc nước	20.00	5.00	15.00	0.00	20.00	Đề nghị mua sớm đẻ thay lõi lọc nước

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
11	0501.02.0007	Lõi lọc / Water filter	FTUF	Cái/Pcs	Thay lõi lọc thô máy lọc nước	20.00	5.00	15.00	0.00	20.00	Đề nghị mua sớm để thay lõi lọc nước
12	0501.02.0008	Lõi lọc / Water filter	FT1	Cái/Pcs	Thay lõi lọc thô máy lọc nước	20.00	5.00	15.00	0.00	20.00	Đề nghị mua sớm để thay lõi lọc nước
13	0501.02.0009	Lõi lọc / Water filter	500GDP	Cái/Pcs	Dự phòng thay lõi lọc nước	5.00	0.00	5.00	0.00	5.00	Đề nghị mua sớm để thay lõi lọc nước
14	0501.01.0007	Van một chiều / Check valve	450CC FTF45	Cái/Pcs	Dự phòng thay van 1 chiều lọc nước	5.00	0.00	5.00	0.00	5.00	
15	0501.01.0008	Van điện từ / Electromagnetic valve	36VDC50 FTDT	Cái/Pcs	Dự phòng thay van điện từ lọc nước hỏng.	5.00	0.00	5.00	0.00	5.00	
16	0501.01.0009	Vòi nước / Water Taps	FT75	Cái/Pcs	Dự phòng vòi lọc nước hỏng.	5.00	0.00	5.00	0.00	5.00	
17	0501.02.0005	Ống nhựa mềm / Soft plastic pipe	LDPE , Ø6 ~ 1/4 inch	M	Dự phòng ống nhựa lọc nước hỏng hoặc chuột cắn	150.00	0.00	150.00	0.00	150.00	
18	0501.02.0004	Ống nhựa mềm / Soft plastic pipe	LDPE , Ø10 ~ 3/8 inch	M	Dự phòng ống nhựa lọc nước hỏng hoặc chuột cắn	150.00	0.00	150.00	0.00	150.00	
19	0602.01.0137	Băng tải/ Conveyor belts	SJ 780/EP/150x4(5+3)	M	Dự phòng lưu hóa thay cục bộ băng tải hỏng	100.00	0.00	100.00	0.00	100.00	
20	0705.01.0003	Băng tải/ Conveyor belts	EP100-800x6(4.5+1.5)	M	Dự phòng lưu hóa thay băng tải đá vôi hỏng	50.00	0.00	50.00	0.00	50.00	
21	0701.02.0001	Dây đai máy nghiền thô đá vôi / Limestone primary milling belt	V-Belt: D-3420 (D135)	Cái/Pcs	Thay dây đai máy nghiền thô đá vôi.	24.00	12.00	12.00	0.00	24.00	Đề nghị mua sớm để thay dây đai cho máy nghiền thô đá vôi.
Cộng/ ToTal						**697.00**	**62.00**	**635.00**		**697.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2000828

Ngày 16 tháng 11 năm 2020

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department		Người đề nghị: Đồng Văn Đủ Proposer:	Ngày đề nghị: 16/11/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 20/11/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung supplements ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Type		Theo kế hoạch đã duyệt: Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / inccured out of plan ☐

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	1001.01.0049	Cảm biến / Sensor	928400617000	Cái/Pcs	Cảm biến sử dụng cho bơm cao xe xúc lật LG 855N	2.00	1.00	1.00	0.00	2.00	Cần gấp 1 cái
Cộng/ ToTal						**2.00**	**1.00**	**1.00**		**2.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2000830

Ngày 24 tháng 11 năm 2020

Tên phòng ban: Department: Phòng an toàn	Người đề nghị: Proposer: Vũ Đức Anh	Ngày đề nghị: Request Date: 24/11/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 24/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung supplements ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Type	Theo kế hoạch đã duyệt: Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / inccured out of plan ☐

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	1201.02.1492	Phân vi sinh hữu cơ / Compost	25Kg	Bao/Bag	Bón phân cho cây trồng trong nhà máy	1 000.00	1 000.00	0.00	0.00	1 000.00	Phân HATKE
Cộng/ ToTal						**1 000.00**	**1 000.00**	**0.00**		**1 000.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer